

HỘI ~
HOA SĨ TRE
VIỆT NAM

ASSOCIATION DES JEUNES PEINTRES DU VIETNAM

HỘI
HOA SĨ TRE
VIỆT NAM

15

hoa sĩ
diêu khắc gia

hội họa sĩ trẻ vietnam

Jeunes peintres et Sculpteurs Vietnamiens,

Nous avons conscience que l'Art Vietnamien, plus particulièrement la peinture et la Sculpture, pendant plus d'un demi siècle, depuis la fondation à Hanoi de l'ancienne École des Beaux-Arts de l'Indochine, n'a pas répondu à la réalité Vietnamienne.

Cette période est en effet marquée par la pauvreté de l'inspiration artistique caractérisée par un laisser-aller déconcertant et un individualisme à la pensée étriquée, qui ne reflétait pas fidèlement l'âme Vietnamienne et ses problèmes aussi vastes que variés.

Les normes erronées du passé n'ont jamais été véritablement analysées : les caractéristiques soi-disant orientales ont été exploitées comme source d'inspiration alors qu'elles ne constituaient qu'une forme d'allégeance à la Chine ou au Japon...

Dans d'autres cas, l'Art Vietnamienne se contentait d'être tributaire de l'Art européen, plus particulièrement de l'école de Paris — pour la plupart des Jeunes artistes Vietnamiens, les principes de l'Ecole de Paris furent érigés en règles immuables aussi bien sur le plan de la conception que de l'exécution ce qui a emprisonné l'art Vietnamien dans le cadre étroit de la cage coloniale et en a fait un sous-produit de l'art occidental.

Il serait également erronné d'assimiler les tendances avancées de la peinture et de la Sculpture Vietnamiens aux courants artistiques même les plus progressistes d'Europe.

Il semble d'autre part que la vulgarisation de l'Art ait été sciemment négligée : au lieu d'être mis à la portée de l'appréciation du grand public, l'Art Vietnamien dégénéra en industrie à l'intention des touristes étrangers. Le peuple Vietnamien, que l'Art Vietnamien concerne d'une façon primordiale a été, c'est le moins qu'on puisse en dire, totalement oublié.

Il y eut par ailleurs un grand vide dans le domaine de la critique d'Art. Ceux qui écrivaient sur l'Art, ainsi que les critiques proprement dit, déjà peu nombreux, se fondaient pour leur documentation sur les livres occidentaux, ceux qui explique leur ignorance des véritables problèmes de l'Art Vietnamien.

Ces constatations nous amènent à lancer cet appel, à l'intention des artistes Vietnamiens de la jeune génération. Le temps est venu de promouvoir un mouvement artistique progressiste. En voici les règles et les moyens :

— Renoncer au laisser-aller et à l'individualisme étriqué, libérer ses pensées des ateliers confinés, pour être au diapason de la vitalité de la race...

— Avoir une connaissance exacte et profonde de l'Art du monde pour déterminer notre position.

— Adopter une conception qui soit la plus originale, la plus proche de nous : conception que nous sentons du plus profond de nos entrailles, dans le cœur du peuple...

— Mettre l'Art à la portée du public ; faire de telle sorte que l'Art ne soit plus un luxe, mais une nécessité, une flamme sacrée qui renforce la vitalité et accuse la personnalité...

— Créer une atmosphère vivante en matière de critique d'Art ; en finir avec les artifices que sont les courtoisies de surface. En un mot, faire des critiques, émettre des suggestions, honnêtes et sincères, pour avancer ensemble sur le chemin du progrès...

Saigon, le 10 Novembre 1973

Association des Jeunes Peintres du Vietnam

Họa sĩ, Điêu Khắc Gia Trẻ Việt-Nam,

Nhận thấy nghệ thuật Việt Nam, nói riêng là Hội họa và Điêu Khắc, trong hơn nửa thế kỷ nay, kè từ ngày có trường Mỹ Thuật Đông Dương do người Pháp thành lập tại Hà-nội, vẫn chưa đáp ứng được với thực trạng Việt Nam. Cảm hứng nghệ thuật có thể nói là quá nghèo nàn vì chủ nghĩa buông thả, vì chủ nghĩa cá nhân chật hẹp không tương xứng với hoàn cảnh Việt Nam với những văn đề vô cùng lớn lao và phong phú.

Những kiêu cách sai lầm từ trước tới nay vẫn chưa được mở xé: hoặc dùng những đặc tính gọi là Á Đông để làm căn bản nghệ thuật mà thật ra chỉ là những hình thức lệ thuộc Tàu, Nhật..... hoặc nhờ cậy vào nghệ thuật Âu Châu, đặc biệt là trường phái Paris, lấy nó làm tiêu chuẩn để suy luận và làm việc, nhốt gọn nghệ thuật Việt Nam trong cái giỏ «thuộc địa» nên những công trình thực hiện chỉ là cái gì thứ yếu đối với nghệ thuật Tây Phương.

Cũng sai lầm khi định nghĩa tiến bộ là những hình thức nào gần với trào lưu nghệ thuật tiến bộ nhất của Âu Châu.

Mặt khác ý nghĩa của sự phô biến nghệ thuật hầu như bị quên bõ: thay vì nghệ thuật được trưng bày cho quần chúng thưởng lãm thì nó thành kỹ nghệ sản xuất để phục vụ du khách ngoại quốc; quần chúng Việt Nam, đối tượng chính của nghệ thuật Việt Nam đã gần như bị bỏ rơi.

Có một khoảng trống lớn trong lãnh vực phê bình nghệ thuật. Những nhà viết về nghệ thuật và các phê bình gia rất hiếm đều đặt căn bản tư tưởng mình trên sách vở Tây Phương, do đó không nắm vững những vấn đề riêng biệt của nghệ thuật Việt Nam.

Vì những nhận xét đó, chúng tôi kêu gọi các bạn hãy cùng hợp lại để gây một phong trào nghệ thuật tiến bộ và không lệ thuộc bằng cách:

— Từ bỏ chủ nghĩa buông thả, chủ nghĩa cá nhân chật hẹp, giải thoát tư tưởng khỏi phòng vê tù túng để cung sống cái sức sống Việt Nam.

— Có một kiến thức đúng đắn và sâu rộng về nghệ thuật thế giới để xác định vị trí của mình.

— Theo đuổi khuynh hướng nghệ thuật tân kỳ nhất, ở gần chúng ta nhất: khuynh hướng đã có sẵn ngay trong lòng chúng ta, ngay trong lòng quần chúng Việt Nam.

— Tìm cách mang nghệ thuật đến với quần chúng, tận hiến họ để nghệ thuật không phải là một xa xỉ phẩm của xã hội mà là một cái gì cần thiết, một chất lửa nung nấu sức sống và nhân tính.

— Gây một không khí phê bình sôi động, bỏ hẳn thái độ xã giao giả dối; chỉ trích và đề nghị thẳng thắn để cùng tiến bộ.

Saigon, ngày 10 tháng 11 năm 1973

Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam

L'Association des Jeunes Peintres du Viêtnam a sept ans. Selon la tradition, nous apprécions aujourd'hui, encore une fois, l'art de certains de ses membres qui sont aussi ceux du nouveau Comité exécutif 1973-1975. Les autres membres de l'Association seront invités à participer à une autre exposition, d'une plus grande envergure, dont la date sera fixée ultérieurement.

Pour mieux comprendre la vraie nature de l'Association, il serait plus opportun de connaître les participants de cette exposition eux-mêmes qui, pour la plupart, se sont entièrement consacrés à leur métier pendant la décennie 60-70, ou peu de temps avant cette date.

Tout d'abord, dans le domaine de la sculpture, nous pouvons citer Lê-Tài-Diễn, Dương-Văn-Hùng et Mai-Chührung. Commençons par Mai-Chührung, qui n'est pas un inconnu pour le grand public. L'œuvre la plus récente et la plus digne d'intérêt de Mai-Chührung est une statue en bronze réalisée pour le compte du Crédit Commercial du Viêtnam. Cette statue actuellement exposée à Long-Xuyêñ, une ville de la région Ouest, symbolise notre civilisation agricole : une gerbe de riz s'élançant vers les cieux... L'Art de Mai-Chührung a suivi un processus solide, s'inspirant au départ de deux sources différentes. L'une d'elles est Henri-Moore (période avant 1968) dont l'influence est concrétisée par la réalisation de la statue du Centre Commercial Tam-Đa ; l'autre étant Zoltan Kemeny dont l'art consiste à assembler des pièces métalliques multiformes, des douilles de cartouches pour en faire un « tableau en relief » (Centre Commercial Tam-Đa). Après 1968, Mai-Chührung s'élança hardiment dans la recherche de sa propre voie. Cette voie est marquée par un buste réalisé entièrement à l'aide des douilles de cartouches en 1970. Le métal assemblé en désordre exprime avec force la destruction et le caractère dramatique de notre époque.

Dương-Văn-Hùng est un nouveau venu dans le monde des Arts, malgré ses diplômes qui datent longtemps. Ses statues réalisées à l'aide des feuilles de cuivre assemblées sont aussi austères que sa personne. La tête exposée dans cette salle représentent une fille aux regards qui implorent dénote une peur inexprimable.

Il y a deux ans, en 1971, nous avons connu Lê-Tài-Diễn, à l'occasion de son exposition à l'Alliance Française. Diễn est peut-être l'artiste le plus polyvalent, car il est à la fois sculpteur, peintre et estampeur. Disciple d'André Lhôte, il a enrichi notre Art de précieuses notions sur les estampes... Comme la plupart des jeunes artistes, Diễn a commencé sa carrière de sculpteur en s'inspirant des œuvres d'Henri Moore, pour façonnier lentement son propre style. Toutefois, ses dons concernant la peinture dépassent largement ceux concernant la sculpture. Dans ce domaine, Diễn a eu un net revirement pendant la période 1971-1973, passant du symbolisme à l'abstractionnisme. Sa dernière tendance porte sur des grands espaces peints en rouge et jaune accentués de noir, composition symbolisant les caractéristiques Viêtnamiennes.

Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam hoạt động được bảy năm. Như truyền thống của Hội, trong buổi lễ ra mắt Ban Chấp Hành mới (73 - 75) hôm nay chúng ta lại được thưởng thức nghệ thuật của một số thành viên phần nhiều là nhân viên trong ban chấp hành. Các thành viên khác sẽ được mời tham dự một cuộc triển lãm với quy mô lớn hơn sẽ được ấn định ngày giờ sau.

Để hiểu rõ hơn thực chất của Hội, tốt hơn hết chúng ta tìm hiểu về những người tham dự cuộc triển lãm này, hầu hết là những người đã sống chết với nghề trong khoảng thập niên 60-70 hoặc trước đó vài năm.

Trước hết, về phía điêu khắc, ta thấy có Lê Tài Điện, Dương văn Hùng và Mai Chứng. Trừ hai người trước ra, không ai còn lại với điêu khắc gia Mai-Chứng. Công trình đồ sộ gần đây nhất của Mai-Chứng là pho tượng bằng đồng do Việt Nam Thương Tín đặt và đã được dựng tại Long Xuyên, một tỉnh ly miền Tây, trình bày biếu tượng của nền văn minh nông nghiệp, một bó lúa vươn lên ngắt trời. Nghệ thuật Mai Chứng có một tiến trình vững chắc và ta có thể ghi nhận được 2 nguồn chính : một từ Henry Moore (khoảng 1968 về trước), dấu vết cuối cùng là bức tượng tại Thương Xá Tam-Đa (Chị Em); nguồn thứ hai bắt từ Zoltan Kemeny dùng những mảnh vụn đồng, đuôi đạn để hàn gắn thành « tranh nồi » (tableau en relief) tại Thương Xá Tam-Đa. Từ đó Mai Chứng lao mạnh để đi đến con đường riêng biệt của mình. Con đường này được đánh dấu bằng bức tượng bán thân thực hiện toàn bằng đuôi đạn (năm 1970). Chất kim khí hàn lõi chõ cho ta một ấn tượng rất mạnh mẽ về sự tàn phá và tính chất bi thảm của thời đại chúng ta.

Dương văn Hùng là một tên mới trong giới nghệ thuật dù anh tốt nghiệp Mỹ thuật rất lâu. Tượng của anh, thực hiện bằng đồng là ghép lại, mang tính cách khắc khoబ như con người anh. Tượng « Đầu Người » trong phòng mô tả nét mặt cô gái có cái nhìn trân trối, một nỗi sợ hãi không thốt lên được.

Cách đây hai năm (1971) chúng ta đã làm quen Lê Tài Điện qua cuộc triển lãm tại Pháp văn Đồng Minh Hội của anh. Có lẽ Điện là người đa năng nhất trong lãnh vực nghệ thuật : anh làm tượng, làm tranh, làm ấn họa. Là 'học trò' của André Lhote, anh đã mang được một số kiến thức rất hữu ích về cho chúng ta trong nghề ấn họa. Ở đây, chúng ta hãy nói về nghệ thuật của Điện. Như phần đông những người làm tượng trẻ khác, anh bắt đầu bằng những bài học rút từ H. Moore và lần lần đi đến đường hướng riêng của mình. Nhưng có lẽ tranh của Điện còn quan trọng hơn nhiều. Anh có chuyền hướng rõ rệt trong khoảng thời gian 1971-1973, từ lối tượng hình đến trừu tượng. Khuynh hướng sau cùng với không gian trãi rộng, với màu đỏ, vàng nhãm mạnh bằng màu đen mang tính chất Việt Nam.

Vers 1963, Nguyễn-Phước et Nguyễn-Lâm exposaient ensemble leurs œuvres, d'où transpirait un pessimisme sans équivoque. Mais avec le temps, chacun d'eux a cherché et trouvé sur propre style.

C'est Nguyễn-Phước qui a évolué le plus, non seulement par rapport à Nguyễn-Lâm, mais encore par rapport même à nombre de ses contemporains. Il a commencé avec des personnages austères, au regard noir et profond, aux coloris discrets et modestes. Vers les années 1966-67, Nguyễn-Phước s'est rallié à l'abstractionnisme ; il continue ainsi son chemin, avec plus de douceur et de subtilité dans l'harmonie. Les œuvres de Nguyễn-Phước entre temps, ont changé : des pensées pessimistes, l'inspiration est passée au formalisme noble et pur. Il va sans dire que ce changement d'orientation ne s'arrête pas là : nous attendons de Nguyễn-Phước que son talent s'affirme encore davantage.

Quant à Nguyễn-Lâm, il n'y a pas tant d'évolution, sur le plan de la technique. Ou plutôt, il n'y a d'évolution que dans l'emploi et le mélange des couleurs. S'il a commencé par la mise en relief des tons jaune et orange sur fond noir, créant ainsi un effet de pénombre, Nguyễn-Lâm a fini par porter son choix sur les tons gris-bleu ou gris-rose. Entre temps, ces sources d'inspiration ont aussi changé. Le cadre de ses œuvres a été celui des familles pauvres et des travailleurs manuels : désormais, ayant opté pour l'abstractionnisme, Nguyễn-Lâm va s'adonner entièrement soit à la nature morte, soit aux personnages, ces derniers ayant une apparence beaucoup plus insouciante et détachée.

Trinh-Cung et Đinh-Cường sont deux autres peintres qui méritent notre attention, et dont la conception se confirme très proche l'une de l'autre. Tous les deux ont débuté par le romantisme, avec cette tendance qui se réclame à la fois de Modigliani et de Chagall. L'année 1968 fut l'apogée du romantisme chez Trinh-Cung, avec le gris-bleu teinté de violet et de rose-clair. Depuis quelques années, l'artiste reste fidèle à ses anciennes harmonies, mais le fond a changé pour devenir de plus en plus simple, avec des sujets de plus en plus choisis. On pourrait considérer le tableau « l'Enfant et l'Oiseau » (peint aux environs de 1971) comme témoin de cette évolution. Nous avons là un Trinh-Cung qui ne cache pas son angoisse quant au milieu environnant, un Trinh-Cung qui se dévoue, corps et âme, à la voie qu'il a trouvée. Ses œuvres les plus récentes vont encore plus loin, avec plus de simplicité quant à la forme, et qui présentent des personnages aussi prosaïques qu'ils peuvent l'être, dans un cadre qui tire de plus en plus sur le gris-sombre. On voit bien que sa voix s'affirme, plus confiante, plus forte et plus claire... pour exprimer toute l'appréhension de l'homme et par rapport à la communauté dans laquelle il vit.

Khoảng năm 1963, Nguyễn Phước, Nguyễn Lâm thường triền lâm chung với nhau với những tác phẩm biêu tượng đầy bi quan. Lần lần, hai khuynh hướng của họ càng khác nhau.

Nguyễn Phước là người có lẽ thay đổi nhiều nhất, không phải chỉ đổi với N. Lâm mà đổi với phần đông các họa sĩ đồng thời. Anh khởi đầu bằng những nhân vật khắc khổ với đôi mắt sâu đen, màu sắc đậm bạc. Khoảng 1966-1967, anh chuyền hẳn sang lối trừu tượng với màu sắc mịn màng tẽ nhỉ hơn cho tới nay. Về nội dung, tranh Nguyễn Phước cũng chuyền từ cực này đến cực kia, từ những ưu tư bi quan chuyền sang đường lối thuần-tuý tạo-hình. Hắn nhiên sự chuyền hướng này chưa ngừng và chúng ta chờ nghe tiếng nói dứt khoát của Nguyễn Phước.

Riêng Nguyễn Lâm sự chuyền biến rất ít và gần như không có thay đổi lâm trong kỹ-thuật, hay có cũng chỉ là những màu xử dụng. Trước kia, anh hay tô nền đen và đặt màu vàng, cam lên tạo không khí tranh tối tranh sáng. Dần dần vàng cam được thế bằng màu xám lục, xám hồng. Nội dung thì có sự thay đổi nhiều: Trước kia là những hoạt cảnh của gia đình nghèo, những người lao động, nay với lối vẽ bán trừu tượng, anh thích diễn tả tinh vật hoặc nếu vẽ nhân vật thì họ có vẻ thoái hồn trước.

Hai họa sĩ khác có những tiến trình khá gần gũi nhau là Trịnh Cung và Đinh Cường. Cả hai cùng khởi đầu bằng khuynh hướng lăng mạn, phảng phất không khí nửa Modigliani — nửa Chagall. Khoảng 1963 là thời kỳ cực lăng mạn của Trịnh Cung với những màu xám lam, tím, hồng nhạt. Trong những năm gần đây, vẫn lối xử dụng màu cũ, nhưng nội dung đã thay đổi qua những hình thể được dàn dì hóa và các đề tài chọn lựa. Bức « Trẻ thơ và chim » (khoảng 1971) có thể đại diện cho khuynh hướng này. Chúng ta đã thấy một Trịnh Cung bị bức rúc bởi ngoại cảnh, một Trịnh Cung dấn thân. Những tác phẩm mới nhất của anh còn đi xa hơn, với hình thể được dàn dì hóa hơn, trình bày những con người trần trụi với một không khí xám lại. Chắc chắn là Trịnh Cung sẽ lên tiếng to hơn, mạnh dạn hơn, rõ ràng hơn về nỗi khắc khoải của mình đối với con người, đối với xã hội anh sống.

Về phía Đinh Cường, trong khoảng thời gian 68-69 có một chuyền hướng sang trừu tượng, nhưng sau đó, lại trở về lối hình dung cũ, phần nhiều mang tính chất lăng mạn, thơ mộng, đầy vẽ « Huế ».

Một người vẽ tranh đầy thơ mộng khác, có lẽ là thơ mộng nhất trong phòng tranh này là Nguyễn-Khai. Nguyễn Khai bắt đầu bằng lối vẽ tượng hình. Khoảng 63 chú trọng đặc biệt màu xám. Qua 64, anh chuyền sang lối xử dụng những màu trong suốt làm « phong » với những đường cong trang trí cho các nhân vật thiếu nữ của anh hoặc các nhân vật được vẽ bằng dao gọt ấn-tượng vẽ những

Dans les années 68-69, Dinh.Cuong, quant à lui, et pendant quelque temps, a eu un net penchant en faveur de l'abstractionnisme. Il est revenu assez tôt à ses formes anciennes, avec comme ton dominant le romantisme et la poésie, chargé de particularités « huêennes ».

Un autre peintre, plein de romantisme, peut-être le plus romantique de ce salon, c'est Nguyen-Khai. Il a commencé sa voie par le romantisme. En 1963, son choix se fixa essentiellement sur le gris. En 1964, sa toile de fond était meublée de couleurs transparentes, avec des décors curvilignes tantôt pour ses personnages féminins, tantôt pour d'autres sujets peints au couteau qui donne l'inspression des débris de glace. En 1966, comme la plupart des peintres de la jeune génération, Nguyen-Khai a découvert Klee et son univers de rêve et de poésie. Dans ses œuvres petit format, les amis de l'Art rencontrent sans difficulté cette atmosphère faite de Mythologie et d'Amour du prochain.

Le caractère mythologique est aussi une particularité des œuvres de Ho Thanh Duc ; toutefois la forme en est totalement différente de celle de Nguyen-Khai. Avec des moyens modestes, tels que débris de journaux, de photos en couleur des magazines, Duc a pu créer un style d'expression traduisant soit une atmosphère mythologique qui explose, soit l'image d'une société en voie de destruction.

A l'opposé des créations de Duc, les œuvres de Do Quang Em donnent cette impression générale d'une atmosphère réconfortante, d'une mélancolie légèrement noyée dans la pénombre, comme du temps de la Renaissance. Em fait preuve d'un savoir-faire exceptionnel. Nous remarquons chez lui ce réalisme qui s'exprime par le brun, le jaune et le rouge, le tout formant on ne sait quoi d'accueillant et que l'artiste a su exploiter à merveille pour captiver l'attention des amateurs de peinture.

L'emploi des couleurs chaudes et réconfortantes sur soie est aussi partagé par le peintre Nguyen-Cao-Nguyen. Le public l'apprécie particulièrement grâce à la mise en relief de ses personnages par des contours gras et foncés. De ses tableaux, il se dégage une beauté austère, rayonnant de vitalité typiquement Vietnamiennes. Sa popularité débordante se situe dans les années 1959-1961, au lendemain de son exposition couronnée de succès aux Philippines et après ses illustrations consacrées à un recueil de poésie mise en musique conjointement réalisé par Cung-Tram-Tuong et Pham-Duy. Nguyen-Cao-Nguyen est l'un des deux fondateurs et en même temps le premier président de l'Association des jeunes peintres du Viet-Nam.

Alors que Nguyen-Cao-Nguyen se spécialise dans l'art de composer en partant des couleurs chaudes et réconfortantes, Nghiieu-Dé, au contraire, accorde

mành gương vỡ. Đến 1966, cũng như số đông họa sĩ trẻ khác, anh khám phá ra Klee trong chiều hướng thơ mộng. Hiện nay, trong những tranh nhỏ của anh, chúng ta tìm thấy cái không khí của tình yêu, của huyền thoại.

Mang tính chất huyền thoại cũng là đặc tính của tranh Hồ-Thành-Đức, tuy nhiên hình thức lại khác hẳn Nguyễn-Khai : với phuơng tiện nghèo nàn — giấy báo, ảnh màu ở các tạp chí — Đức tạo được một lối diễn tả khá phong phú, một không khí huyền thoại vỡ tan, hoặc hình ảnh của một xã hội đỗ nát.

Ngược lại với hình ảnh của Đức, tranh của Đỗ-quang-Em thường là không khí êm-ấm hoặc những nỗi buồn nhẹ nhàng với không khí tranh tối tranh sáng thời Phục hưng. Đỗ quang Em có biệt tài về lối vẽ hiện thực bằng những màu nâu, đất vàng và đồ ấm cúng và anh biết dùng biệt tài đó để quyến rũ người coi tranh.

Cùng xử dụng màu nóng-ấm nhưng trên lụa là Họa sĩ Nguyễn-Cao-Nguyễn. Anh có lối viền nét to đậm và sắc tạo cho nhân vật của mình một vẻ đẹp khắc khổ, một biểu tượng mạnh mẽ và đặc biệt Việt Nam. Nguyễn-Cao-Nguyễn được nhắc đến nhiều nhất khoảng 1959-1961, sau cuộc triển lãm thành công của anh ở Phi-Luật-Tân và sau những minh-họa cho tập thơ và nhạc của Cung-Trầm-Tưởng và Phạm-Duy. Anh là một trong hai sáng lập viên và là Chủ tịch đầu tiên của Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam.

Nếu Nguyễn Cao Nguyên chuyên xử dụng màu nóng ấm thì Nghiêm-Đề lại thích những màu ngược lại, tái xanh, lạnh lẽo. Không khí của anh là không khí siêu-thực của truyện tình. Chuyện được kè chật rãi, từ tốn, hiền hòa và hoàn toàn tưởng tượng.

Hồ-Hữu-Thù có lối vẽ trầm tĩnh hơn, sâu sắc hơn, không kiêu cách như những năm gần đây. Hình thề, màu sắc đều được dàn dộ hóa đã cho thấy lộ dồn cá tính của anh.

Cuối cùng, Cù Nguyễn với không khí thâm trầm, tao bằng nền thường là nâu sậm với những hình thề vỡ-tan của một thế giới đầy bất trắc, được tô bằng những màu trong suốt, óng ánh. Khoảng năm 1962 về trước, Nguyễn theo đuổi khuynh hướng tượng hình, những hình thề với đường viền đậm và màu xám hồng, lục đắp dày. Trong vòng 10 năm sau cùng, Nguyễn khám phá ra Bissier, bị hấp dẫn bởi kỹ thuật tô màu của họa sĩ này rồi tạo được đường lối riêng của mình.

Nhìn chung, trong một toàn thể với nhiều khuynh hướng khác nhau, có thể nói mỗi người là một khuynh hướng, chúng ta thấy hiện lên một ý thức, một cỗ gắng chung : đó là làm nổi bật một nền Hội Họa và Điêu Khắc Việt Nam.

toute sa préférence aux couleurs pâles et froides. Son atmosphère est celle du surréalisme de l'Amour du prochain. Cet Amour sublime qui se raconte lentement, progressivement, avec douceur, et qui s'inspire entièrement de l'imagination.

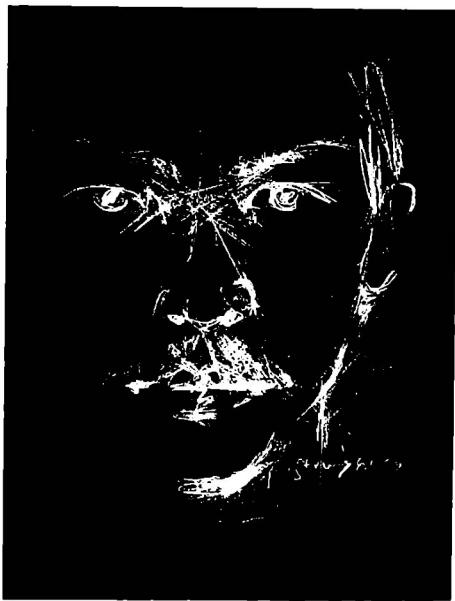
Hô Huu Thu a renoncé au style sophistique de ces dernières années, pour en adopter un autre, plus posé et plus profond : les formes et les couleurs se simplifient qui démontrent peu à peu la personnalité de l'artiste.

Enfin, nous en arrivons à Cu-Nguyên, avec son atmosphère calme et profonde qui se concrétise dans des formes explosives et que caractérise un monde incertain. Tout ceci s'exprime avec des couleurs transparentes, voire ondoyantes, sur une toile de fond brun foncé. Avant 1962, Nguyen s'adonnait au symbolisme, réalisant des images avec des cernes noirs au couleur tirant sur le rose ou le bleu épais. Durant ces dix dernières années, Nguyen découvre Bissier : il se laisse fortement influencer par la technique de ce peintre et trouve finalement sa propre voie.

D'une façon générale, de cet ensemble aussi divers, où l'on peut dire que chaque peintre représente sa propre tendance, nous avons vu surgir une conscience, un effort commun : celui de mettre en relief une Peinture et une Sculpture typiquement Viêtnamiennes.

N. T.

nguyễn trung
hồ hữu thư
nguyễn phước
nguyễn cao nguyễn
cũ nguyễn
nguyễn lâm
nguyễn khai
dương văn hùng
đỗ quang em
hồ thanh đức
nghiêu đế
lê tài điển
đinh cương
trịnh cung
mai chưởng



NGUYỄN TRUNG

Sinh năm 1940 tại Sóc Trăng, Cựu sinh viên trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định. Viết khảo luận về hội họa. Huy chương bạc Triển lãm Hội Họa Mùa Xuân 1961. Huy chương vàng Triển lãm Hội Họa Mùa Xuân 1963 Hội đồng Giám khảo giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật (hội họa) Toàn quốc 1971. Giáo Sư Trưởng Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định Nguyễn Chủ tịch Hội Họa sĩ Trẻ 1967-1973.



ĐỰ ÁN TRANH TƯỜNG 2



harry trun 6.8.7



ĐƯ ẨN TRANH TƯỜNG

19



HỒ HỮU THỦ

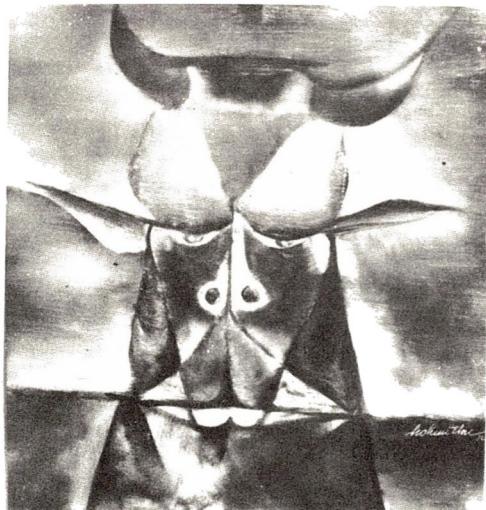
Sinh năm 1943 tại Nghệ An. Tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định. Chứng chỉ Giáo khoa Hội Họa và Điêu Khắc. Đã Triển lãm tranh tại Saigon nhiều lần. Hiện là Giáo sư Sơn mài tại trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật, Cựu Giáo Sư trường Trung Học Kỹ Thuật Bình Dương. Cựu ủy viên phái trí Hội Họa sĩ Trẻ Việt Nam.



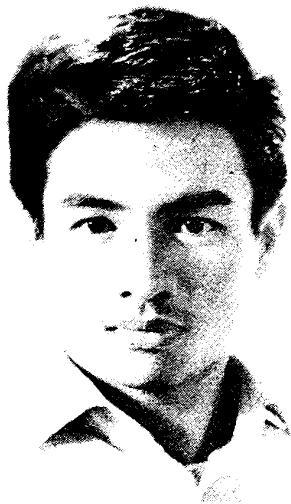
NGƯỜI VÀ GÀ TRỐNG
Son dẫu



ĐÁNH ĐÀN
Khắc gỗ

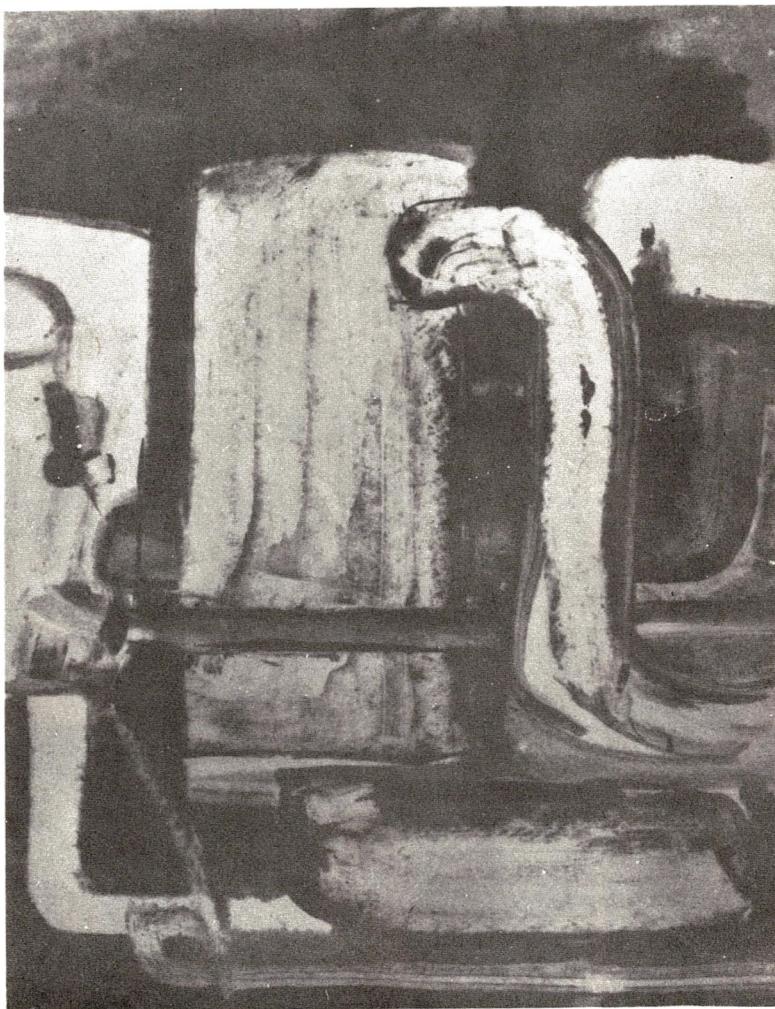


ĐẦU BÒ
Son dau



NGUYỄN HỮU PHƯỚC

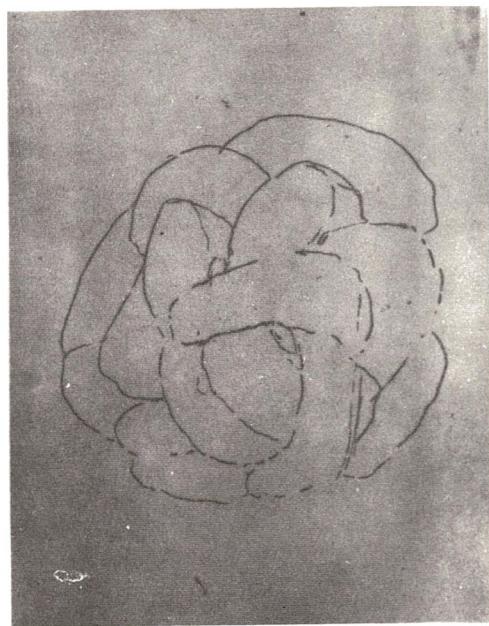
Sinh năm 1943 tại Gia Định. 1962 huy chương đồng Triển lãm mùa Xuân 1963 huy chương bạc và đồng Triển lãm mùa Xuân. Tốt nghiệp trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Saigon. Triển lãm năm 1958, 64, 65, 66, 67, 70. tại Saigon. Chuyên về tranh sơn dầu. Hiện là Giáo sư trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định.



COMPOSITION I

COMPOSITION 2





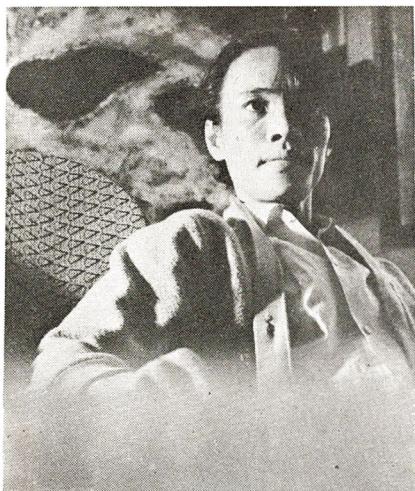


NGUYỄN CAO NGUYỄN

- Sinh năm 1933 tại Kiến An Bắc Việt.
1954, Du học tại Pháp.
1957, Đại-diện Việt-Nam tại đệ nhát Triển-lâm Quốc-Tế Lưỡng-niên Ba-lê.
1961, Đại-diện Hội-họa Việt-Nam tại đệ nhị triển lâm Lưỡng niên Ba-Lê.
1962, Hội-đồng tổ chức đệ nhát triển lâm quốc-tế Mỹ-thuật tại Saigon.
1965, Hội-đồng Giám-khảo tuyển lựa Họa-phẩm Việt-Nam tham dự đệ tứ Triển lâm Lưỡng niên Ba-Lê..
1967, Sáng lập Hội Họa sĩ Trẻ Việt-Nam, nguyên chủ tịch Hội Họa sĩ Trẻ Việt-Nam, 66-68 Chủ tịch.
1969-1970, Hội-viên Hội-đồng Giáo-khảo Giải Văn-học Nghệ-Thuật của Tòng Thống Việt-Nam Cộng-Hòa.
1973 Ủy Viên Kế Hoạch Hội Họa Sĩ Trẻ V. N.



BUÒN BÁN
Sợn dẫu trên lụa



CÙ NGUYỄN

Sinh năm 1938, huy chương vàng Triển lãm Mùa Xuân 61.

Đã Triển lãm tại Việt-Nam và ngoại quốc.

Hội-viên sáng lập Hội Họa Sĩ Trẻ Việt-Nam.



CÂY MÙA ĐÔNG

Màu nước





PHÁO BÔNG
Màu nưỚc

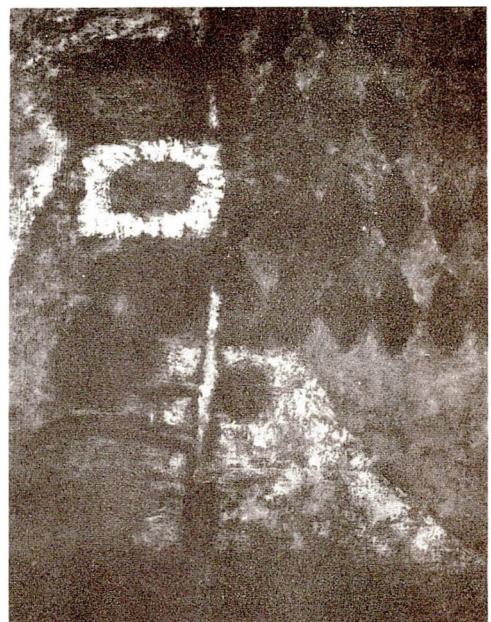
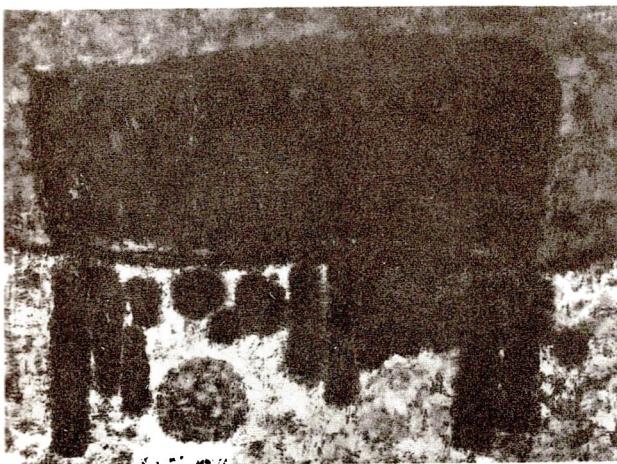


NGUYỄN LÂM

Tên thật là Lâm Huỳnh Long, sinh năm 1941 tại Cần Thơ. Tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Saigon; Bằng danh dự Đệ nhát Triển Lâm Mỹ Thuật Quốc Tế Saigon năm 1962; huy chương Bạc Triển Lâm Hội Họa mùa Xuân năm 1962; huy chương Đồng Triển Lâm Hội Họa do Nhà Tuyên úy Công giáo tổ chức năm 1965; Được chọn tham dự các cuộc Triển Lâm Mỹ Thuật Quốc Tế: Biennale de Paris năm 1961; Kuala Lumpur năm 1963; Biennale de Paris năm 1963 Sao; Paulo Ba Tây năm 1967; New Delhi Ấn Độ năm 1967; Hoa Thịnh Đốn Hoa Kỳ năm 1968.

HÌNH BÓNG

Sơn dầu



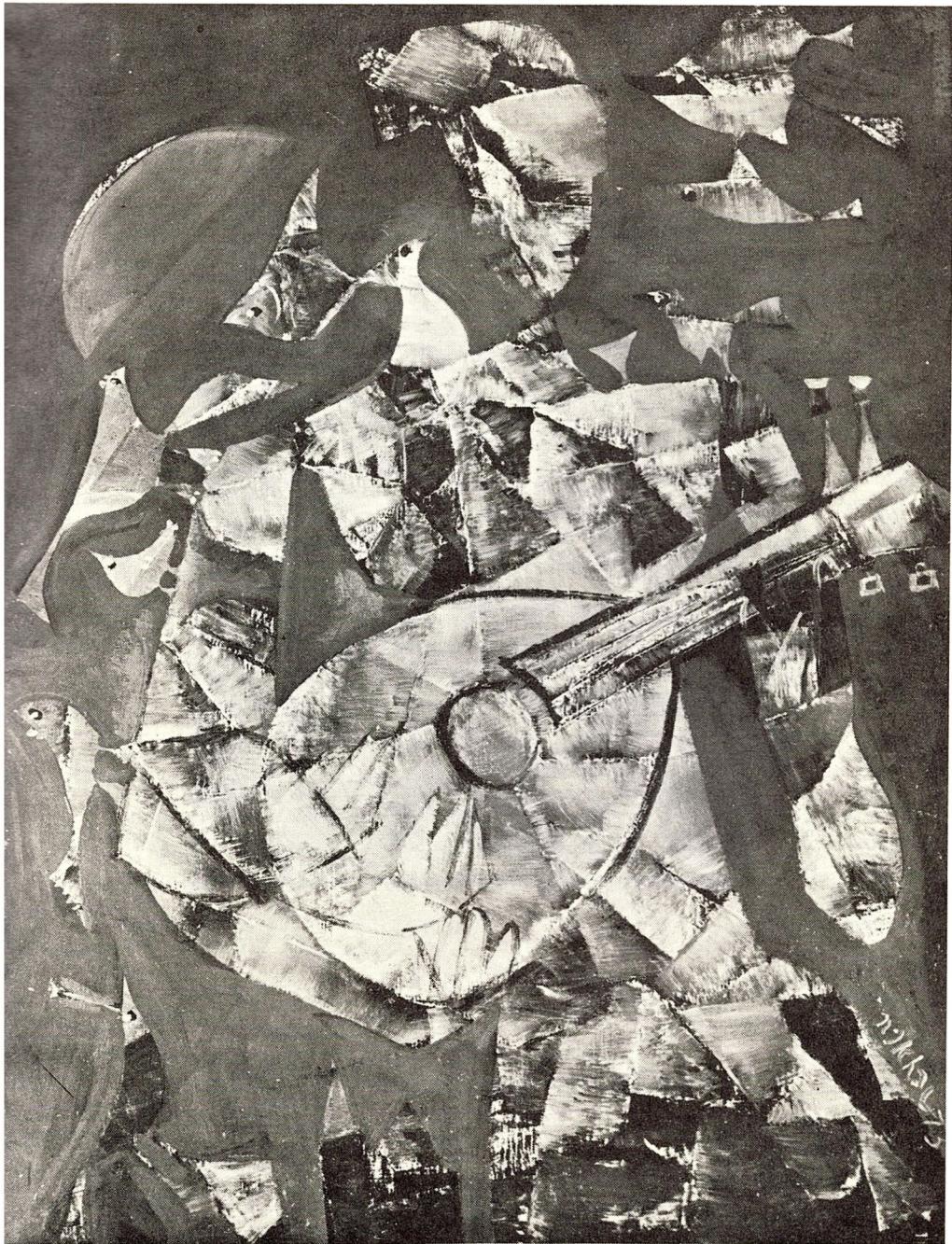
COMPOSITION

Sơn dầu

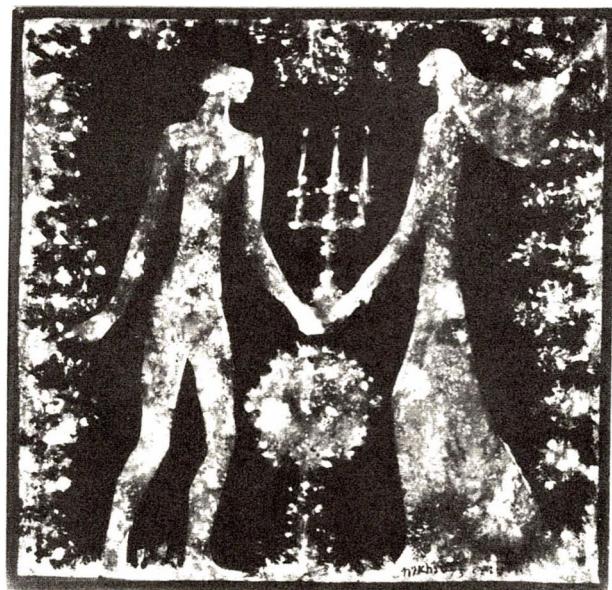


NGUYÊN KHAI

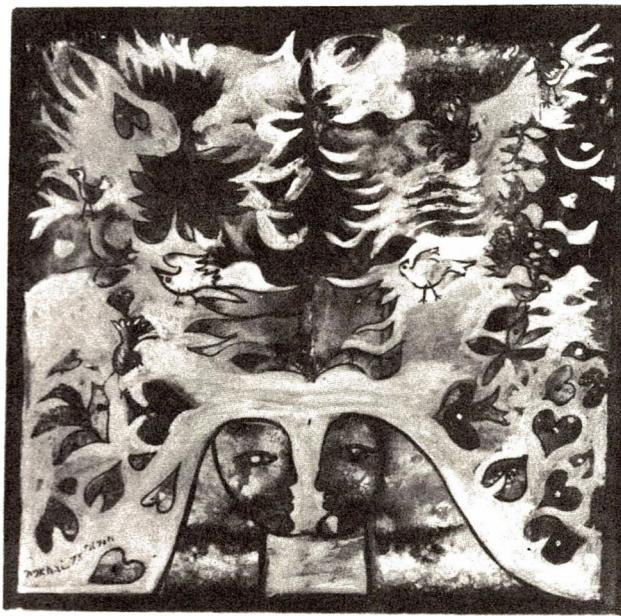
Sinh năm 1940 tại Huế, tốt nghiệp trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Saigon năm 1963 và tốt nghiệp sư phạm 1964. Được huy chương đồng triển lãm Hội Họa Mùa Xuân 1963. Ngoài những cuộc Triển Lãm cá nhân tại Việt Nam hàng năm, một số tác phẩm được tham dự các cuộc Triển Lãm Quốc Tế lưỡng niên tại Tunis 1964, Paris 1965, Tokyo 1966, New. Delhi 1968 Brésil 1967 và 69. Nguyên là một trong những sáng lập viên Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam, hiện là Ủy Viên Tổ Chức của hội này.



NGUYỄT CÀM
Sơn dầu



TRĂNG LÈN THUNG LŨNG



CHÂN DUNG
Bột màu



DƯƠNG VĂN HÙNG

Sinh năm 1940. Tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Saigon chung chỉ giáo khoa Hội Họa và Điêu Khắc. Nguyên dạy vẽ Trung học Tây Ninh và Hiếu Thiện. Hiện là Giáo sư Điêu Khắc trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Saigon.



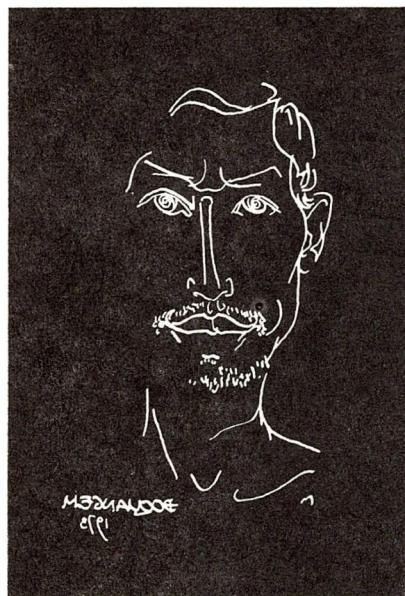
CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH
Sơn mài trên lụa



COMPOSITION
Giāy

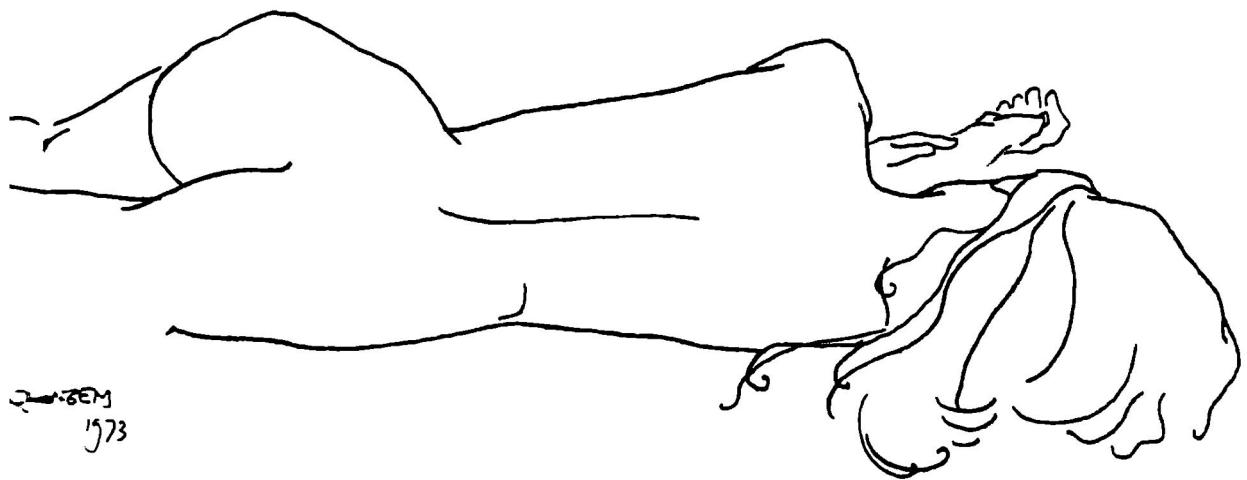


THIẾU NỮ 397ML
Đồng

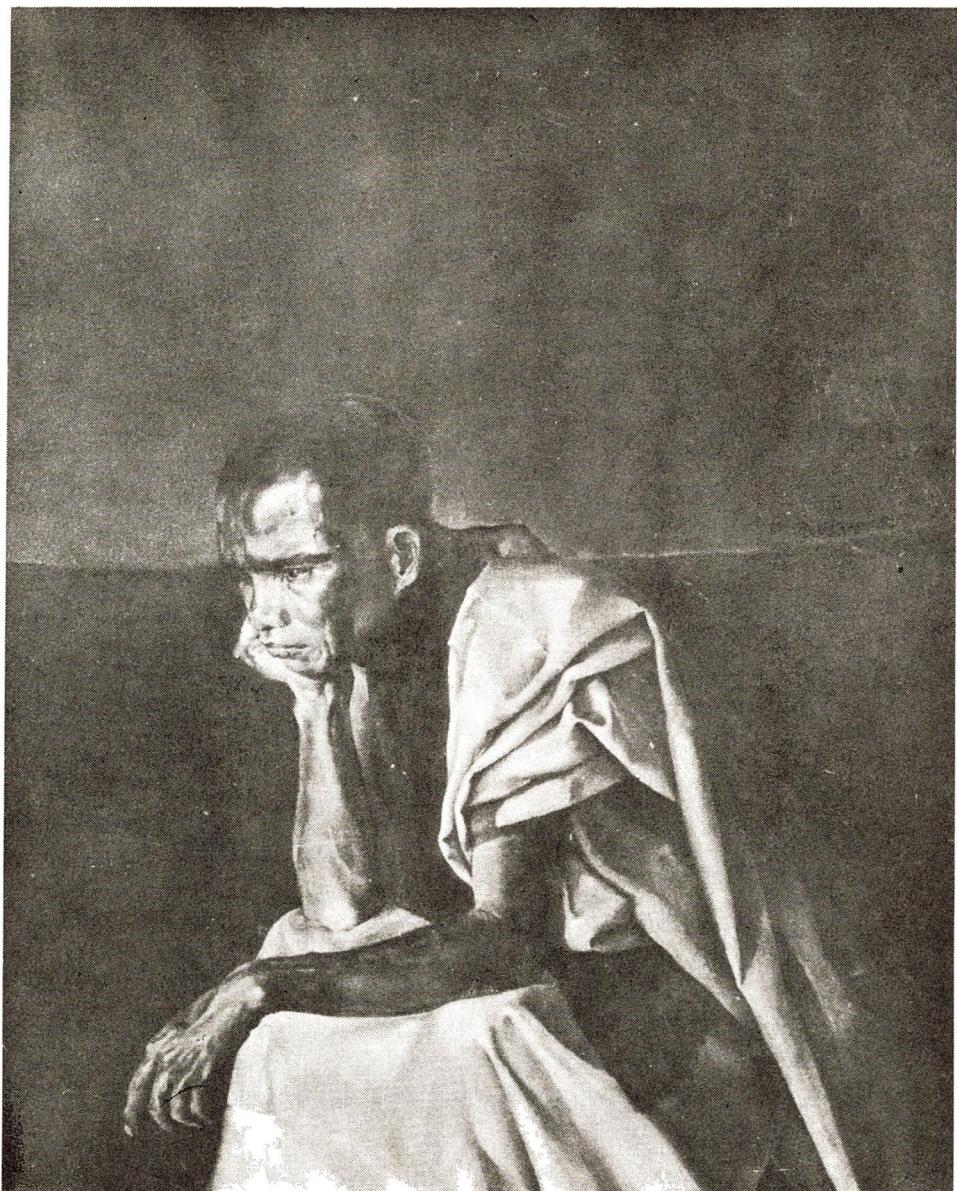


ĐỖ QUANG EM

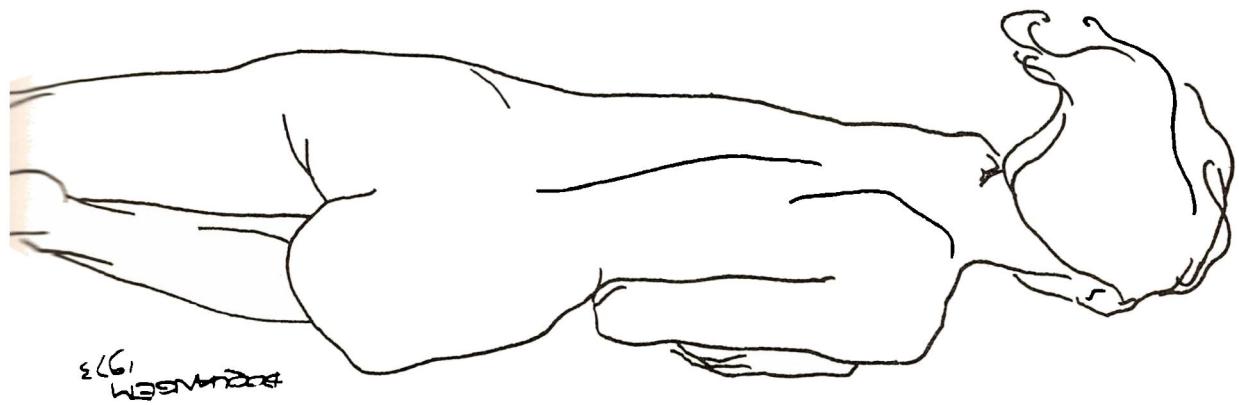
Sinh năm 1942, tại Ninh Thuận, miền Trung Việt Nam. Tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định 1965, giải văn học Nghệ Thuật Tồng Thống 1971. Hiện là Giáo sư trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định.



DESSIN



TĂNG
Sor n dău

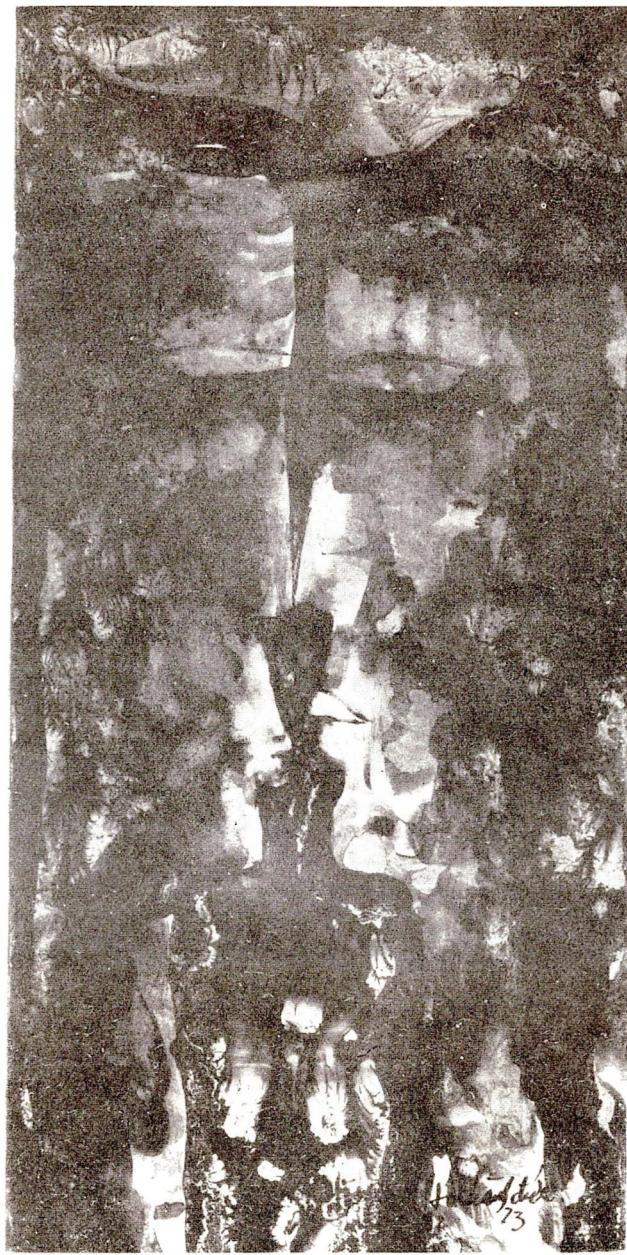


DESSIN



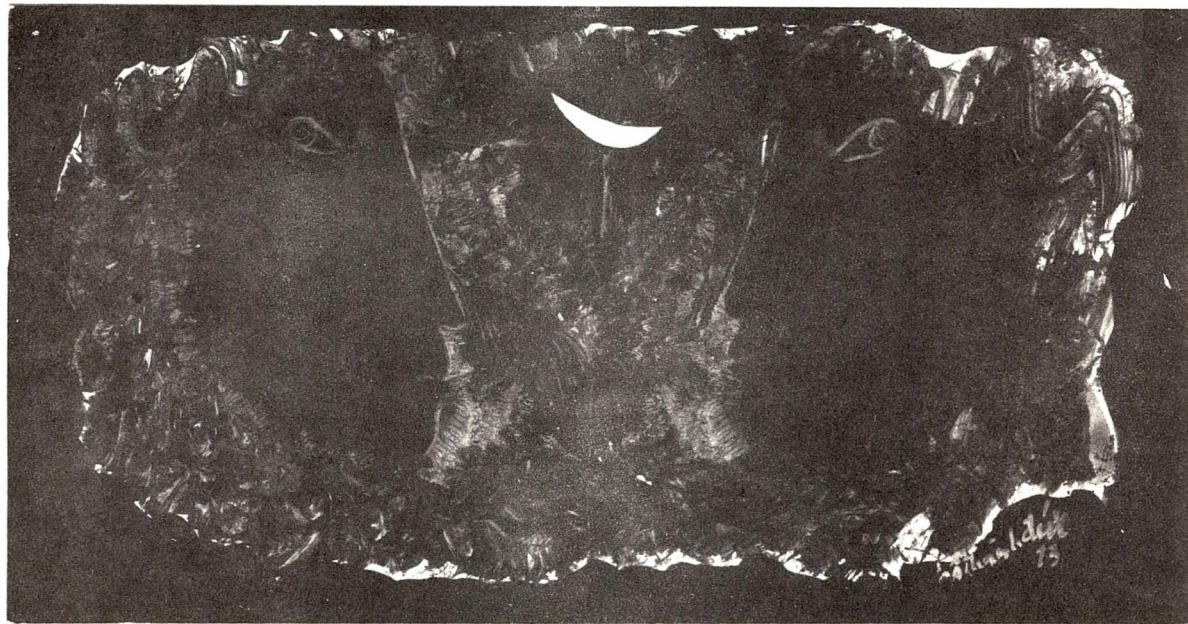
HỒ THÀNH ĐỨC

Sinh năm 1940 tại Đà-Nẵng, tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định. Giải thưởng Hội Họa Mùa Xuân 1963; giải thưởng tranh Quán Đội và tranh Công Giáo 1964; giải thưởng Danh Dự Triển Lãm tại Luân Đôn 1965; tranh dự Triển Lãm Quốc Tế Monaco 1965; Triển lãm chung với một số họa sĩ Việt-Nam tại Nữu Ước 1966; Triển lãm lưu động tại 9 thành phố Nhật Bản 1969; Hội Đồng Giám Khảo tranh Thiếu Nhi toàn quốc 1967-1968-1969; Hội Đồng Giám Khảo Bưu Hoa Quốc Tế UNESCO 1972; Ủy viên Hội Họa Văn Mỹ Nghệ Phật Giáo; sáng lập viên, nguyên phó Tổng Thư Ký và ủy viên kế hoạch Hội Họa Sĩ Trẻ Việt-Nam 1965-1973; Giáo sư Mỹ Thuật tại Viện Đại Học Vạn Hạnh Saigon;



VẠCH ĐÁ TÌNH NHÂN

Amphibole
73



ĐÊM TRẮNG
MựcTau

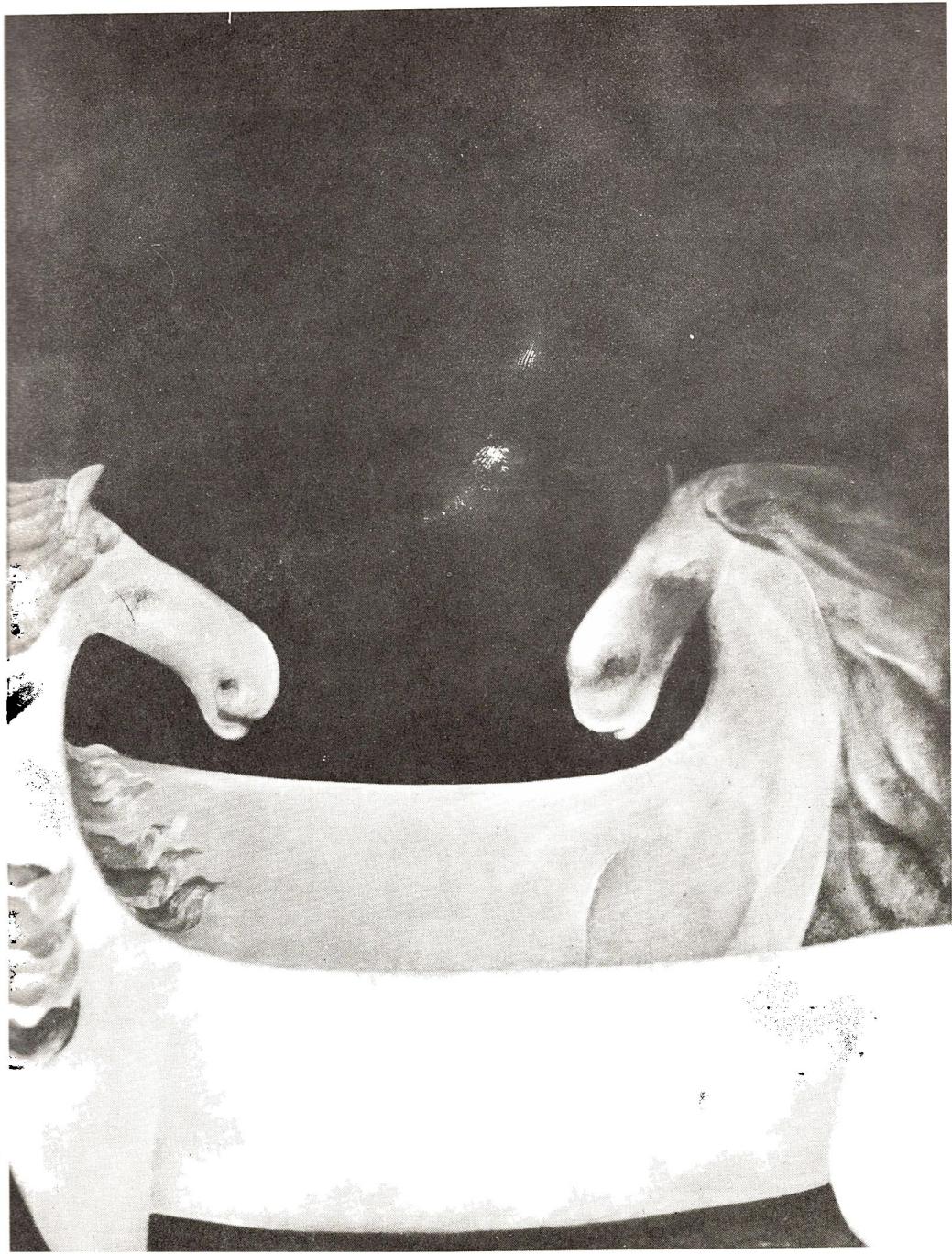


TRÊN ĐỒI THÁNH GIÁ
Bột màu



NGHIÊU ĐỀ

Sinh 1939 tại Quảng-Ngãi. Huy chương Bạc Triển Lãm Hội Họa Mùa Xuân 1961. Từ 1966 liên tục tham dự Triển Lãm chung với Hội H. S. T. Việt Nam tại Quốc-nội, Hoa Kỳ và Nhật Bản. Hiện là Tông Thơ Ký Hội Họa sĩ Trẻ V.N. Làm báo, viết văn.



INH



ĐÊM LỬA
Bột màu



ĐÊM
Son dẫu



LÊ TÀI ĐIỀN

Sinh năm 1937 tại Mỹ tho.

Cựu Sinh Viên Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế tốt nghiệp Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ thuật Ba-Lê.

Giải nhất « Quatrième Renseontre International de Peinture » à Turin-Italie.
Giải ưu hạng New-York.

Triển lãm :

1967 Galerie Piemonte Artistico Culturale (Italie)

1968 Galerie « Reflets » Lyon (France)

1969 Maison Internationale de la Cité Universitaire de Paris.

1970 Salle d'exposition Hotel Plendid-Nice.

1971 Salon des Artistes Français et des Beaux-Arts Internationals Paris.
Alliance Française de Saigon.

1971, Centre de Diffusion Internationale chỉ định triển-lãm Nghệ-thuật
Tạo-hình tại New-York (section Peinture Abstraite).

Hội-viên : Syndicat National des Artistes Professionnels en France.

Association des Artistes-Peintres, Sculpteurs, Architectes de Paris
fondation Tayler.

1972 Salon des Artistes Frse. et des Beaux-Arts Internationals Paris.

Maison des Etudiants du Sud-Est Asiatique de la Cité Universitaire
de Paris.

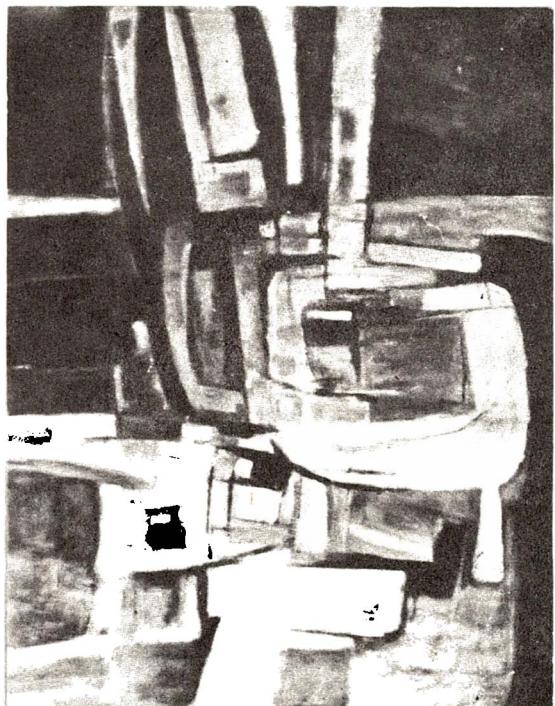
1973 Ủy Viên Kiểm Soát Hội Họa Sĩ Trẻ Việt-Nam.



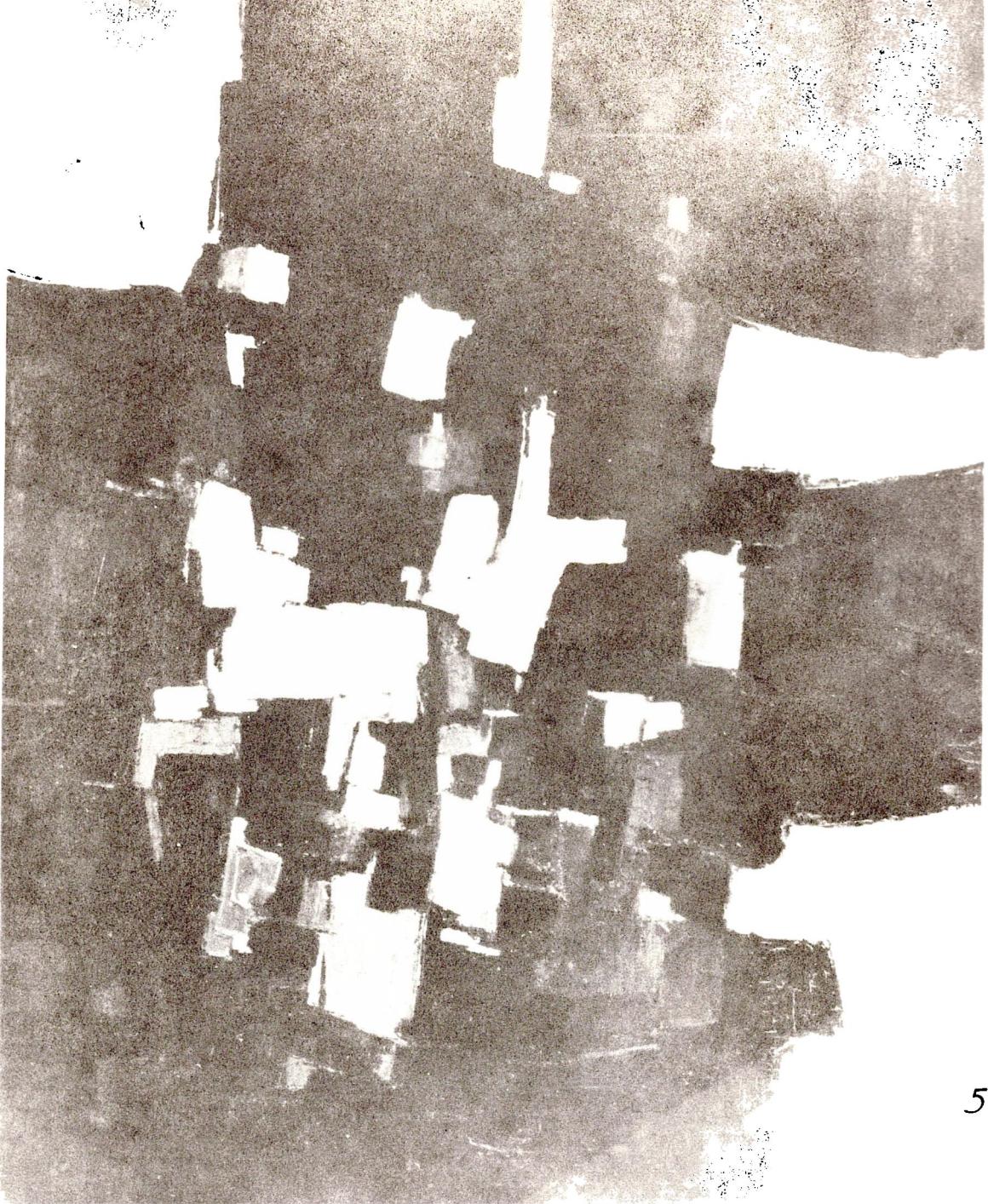
THIẾU NỮ 1
Thach cao

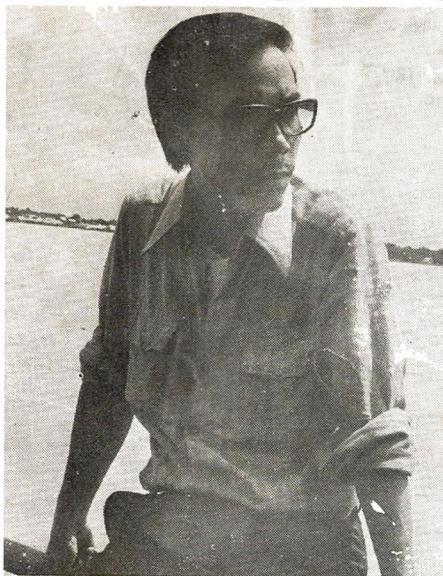


58



COMPOSITION
Sơn dầu

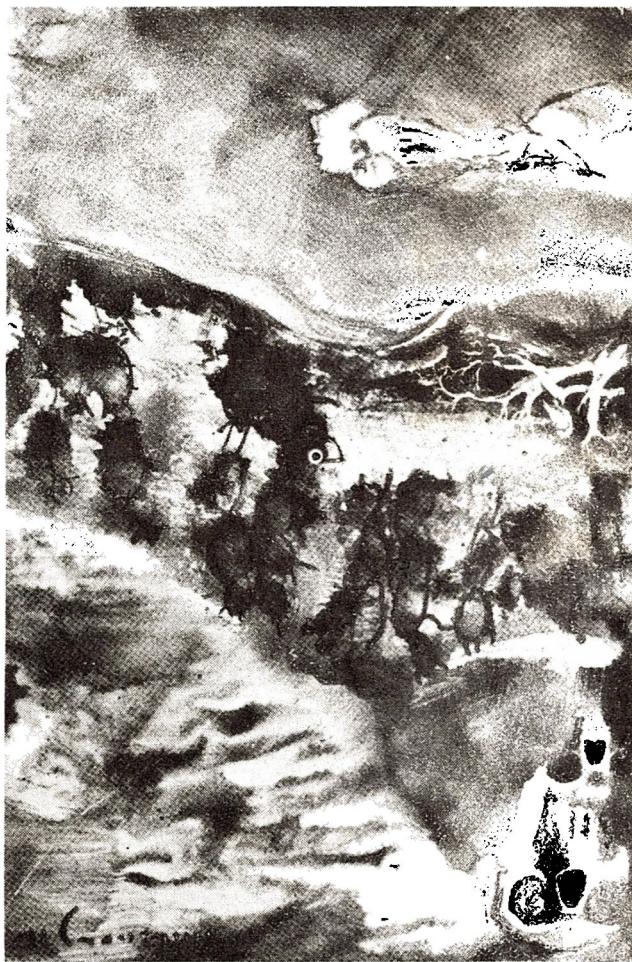




ĐINH CƯỜNG

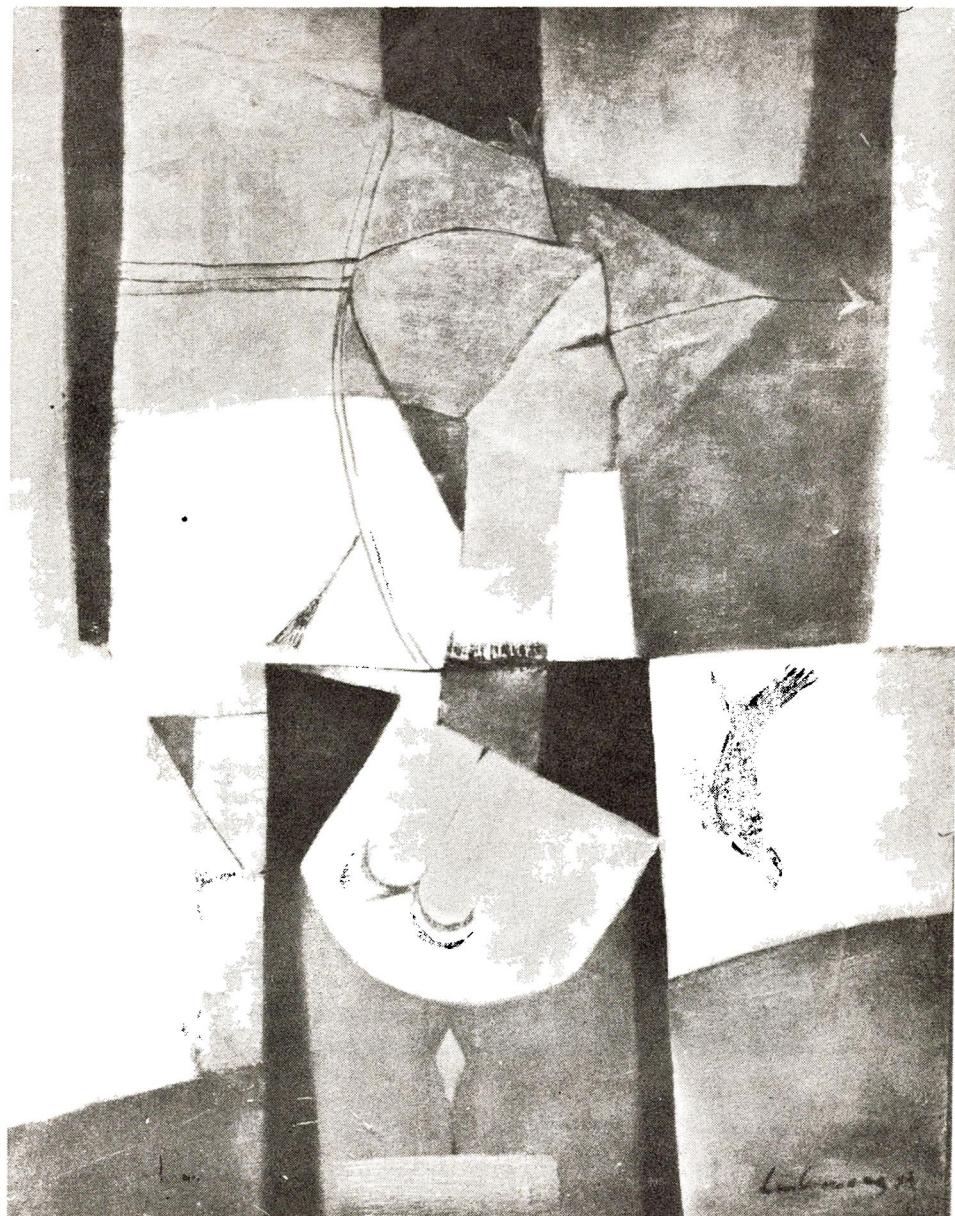
Sinh năm 1939 tại Thủ-Đầu-Một.

Tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế 1963. Tốt nghiệp Sư phạm Cao Đẳng Mỹ Thuật Saigon 1964. Huy chương bạc Triển lãm mùa xuân 1962. Lần lược tham dự triển lãm lưỡng niên Ba lè 1963. Tennis và Hoa Thịnh Đốn 1964. Tông thư Kỷ Hội Họa sĩ Trẻ Việt Nam 1969-1971. Lần lược triển lãm cá nhân và chung với các Họa sĩ Nguyễn Khai, Lê Văn Tài, Tôn Thất Văn, Hoàng đặng Nhuận ở Huế, Saigon, và Đà lạt.



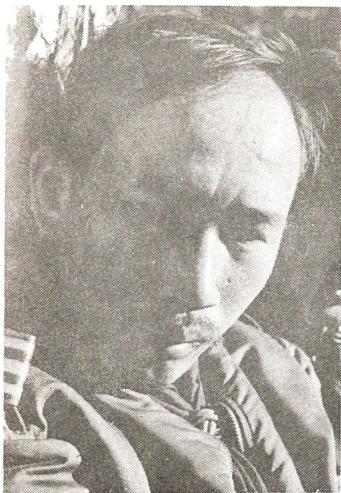
SƠ NGƯỜI, XƯƠNG RỒNG VÀ CHIẾN TRANH

THIẾU NỮ VÀ CHIM
Sơn dầu





THÀNH PHỐ VÀ CHIẾN TRANH



TRỊNH CUNG

Sinh ở Khánh Hòa năm 1939. Tên thật Nguyễn Văn Liễu. Tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế 1962.

1962, Bằng Danh Dự Đệ nhất Triển-lâm Mỹ Thuật Quốc Tế tại Saigon.

1963, Huy chương Đồng Hội Họa Mùa Xuân. Tham dự Triển lâm Quốc Tế Lưỡng niêm Paris kỳ 2.

1964 Huy chương Bạc Hội Họa Mùa Xuân. Tham dự Triển lâm Quốc Tế Lưỡng niêm Tunis Triển Lâm với Đinh Cường và Tôn nữ Kim Phụng.

1966-70 Tông Thư Ký Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam.

1970-73 Phó Chủ-tịch ngoại vụ Hội Họa Sĩ Trẻ Việt-Nam.

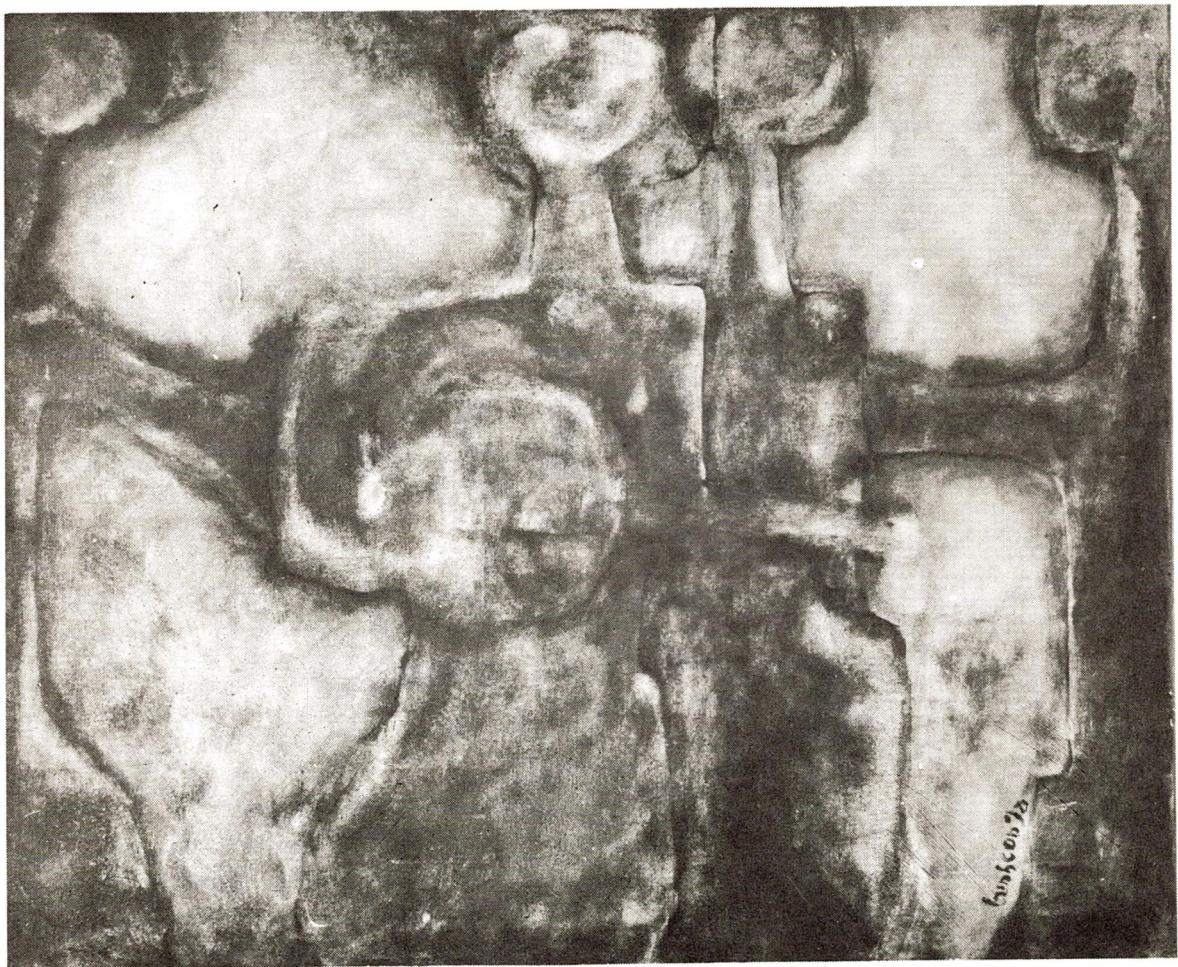
1973-1975 Phó Chủ-tịch Nội vụ Hội Họa Sĩ Trẻ Việt-Nam Từ 1966 đến nay liên tục tham dự các cuộc Triển lâm chung của Hội Họa Sĩ Trẻ Việt-Nam trong nước và tại Hoa Kỳ. Đã dạy tại trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế 1970 và Gia Định 1972-1973. Hiện công tác với trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật.

ME, BƠM VÀ CHIM
Myc Tù



Me, Bơm
và Chim

(nhu w^o)
73



KHUNG NGƯỜI
Sơn dầu

VƯƠNG HƯƠNG



Vương Hương
năm Bính Bát
(1973)



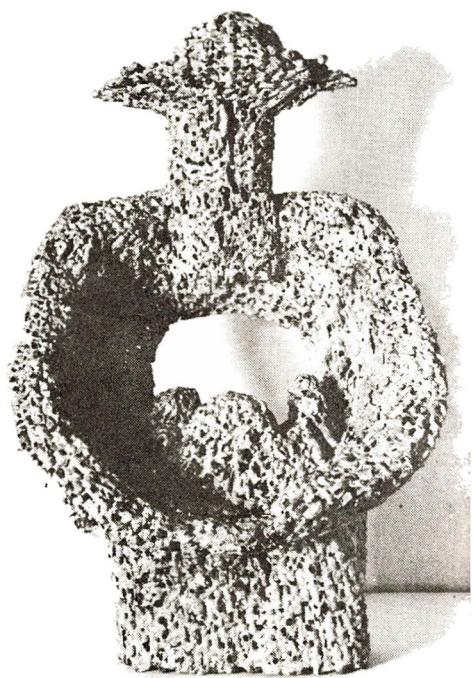
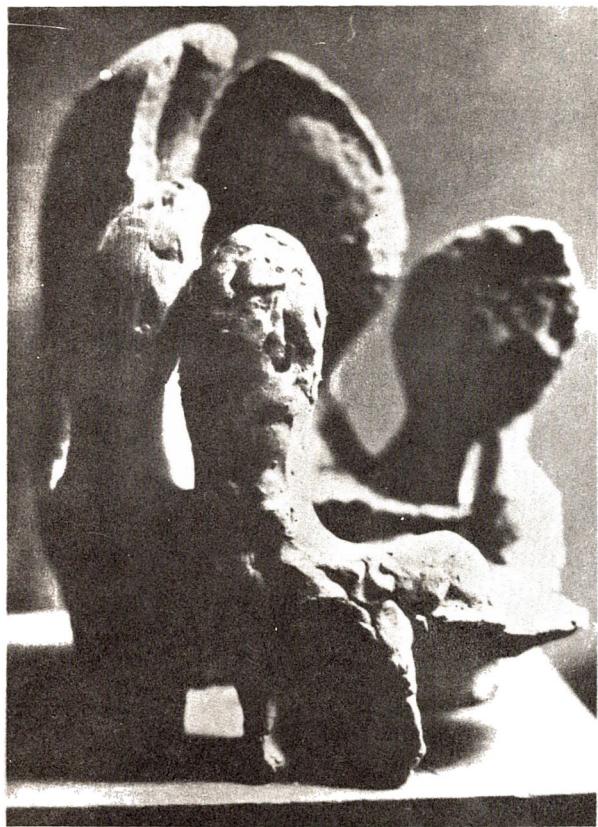
MAI CHỪNG

Sinh năm 1940 tại Bình Định. 1962, 63 tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế và Gia Định. Làm tượng và Triển Lãm từ 1963 đến nay. Nguyên Giáo sư trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế. Hiện là Giáo sư Điêu Khắc tại trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Saigon.

BÔNG LÚA CON GAI
Elong

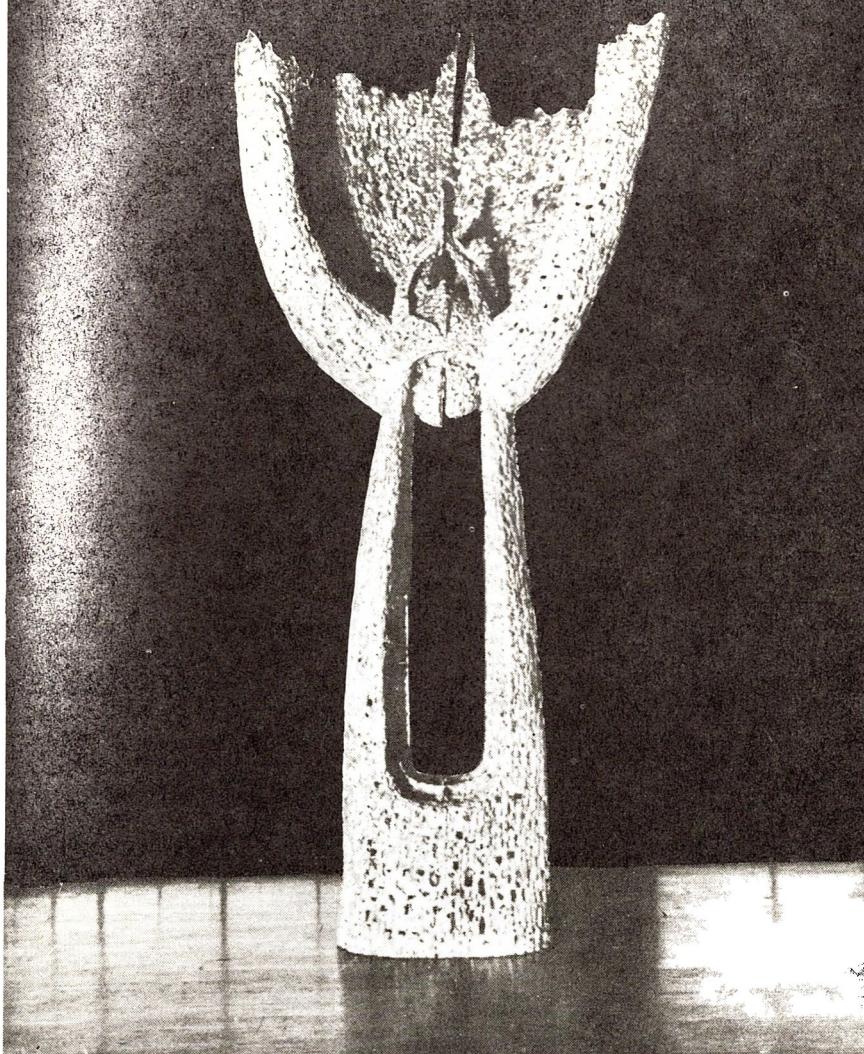


CHA
Đặng



NỐI VÒNG TRÒN
Thạch cao

MÂM
Đồng



THÀNH PHẦN BAN QUẢN TRỊ
HỘI HỌA SĨ TRẺ VIỆT NAM
NHIỆM KỲ 73-75

<i>Chủ tịch</i>	: MAI - CHỨNG
<i>Phó Chủ-tịch Nội-vụ</i>	: TRỊNH - CUNG
<i>Phó Chủ-tịch Ngoại-vụ</i>	: NGUYỄN - PHƯỚC
<i>Tổng-Thor-Ký</i>	: NGHIÊU - ĐỀ
<i>Thủ-quỹ</i>	: NGUYỄN - LÂM
<i>Ủy-viên Tò-chức</i>	: NGUYỄN - KHAI
<i>Ủy-viên Kế-hoạch</i>	: NGUYỄN-CAO-NGUYỄN
<i>Ủy-viên Kiểm-soát</i>	: LÊ - TÀI - ĐIỀN
<i>Cô-văn</i>	: B.S. NGUYỄN TẤN HỒNG

PHÁT-TRIỂN BAN GIAO QUỐC-TẾ. TỔ-HỢP CÁC

CÔNG-TY MÉKONG



DEVELOPPEMENT

AGENCES MÉKONG



INTERNATIONALES DES RELATIONS LES COMPAGNIES

LE TAI DIEN trình bày